TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2023/DS-PT
Ngày: 14/3/2023
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thắm.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

Ông Phan Minh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Duy Phương là thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số số 185/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 240/2022/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Hàng H, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 32, khu vực 4, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- *Bị đơn*:

1. Ông Hàng Xuân C, sinh năm 1958 (có mặt)

2. Ông Hàng Hư, sinh năm 1966 (có mặt)

3. Bà Hàng Xuân Tr, sinh năm 1972 (có mặt)

Đồng địa chỉ: Tổ 32, khu vực 4, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Võ Thị Mỹ L, sinh năm 1972 (có mặt)

2. Cháu Hàng Võ Minh Nh, sinh ngày 18/9/2006

Đồng địa chỉ**:** Tổ 32, khu vực 4, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của cháu Nh là bà Võ Thị Mỹ L – Mẹ ruột.

3. Ủy ban nhân dân thành phố Q.

Địa chỉ: 30 Ng, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Tôn Th – Phó Trưởng Phòng Tài nguyên – Môi trường thành phố Q (theo Giấy ủy quyền số 39/GUQ-UBND ngày 09/12/2020). (có đơn xin vắng mặt)

4. Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh Bình Định.

Địa chỉ: 20 Ng, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh S – Chuyên viên Phòng Giải phóng mặt bằng thuộc Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh Bình Định (theo Giấy ủy quyền số 50/GUQ-BGPMB ngày 30/12/2020). (có đơn xin vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Hàng Xuân C, ông Hàng Hư và bà Hàng Thị Xuân Tr.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Hàng H trình bày:

Cha mẹ ông là cụ Hàng Tiên Qu và cụ Sử H có 04 người con gồm: Hàng Xuân C, Hàng Hư, Hàng H và Hàng Xuân Tr. Cụ Hàng Tiên Qu (chết năm 2001), cụ Sử H (chết năm 2019) đều không để lại di chúc. Cha mẹ không có con nuôi, con riêng. Ông, bà nội ngoại đều chết trước cha mẹ.

Về nguồn gốc nhà, đất theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất số 41, tờ bản đồ 48, diện tích 135,8m^2 tọa lạc tại tổ 32, khu vực 4, phường Nh, thành phố Q; đứng tên Hàng Tiên Qu (chồng bà Sử H) có nguồn gốc là được Nhà nước cấp thuộc diện đi kinh tế mới vào năm 1987 không có giấy tờ, cha mẹ ông xây dựng nhà ở và sử dụng từ đó đến năm 2016 bị giải tỏa trắng do ảnh hưởng dự án Khu tái định cư Đê Đông – N phục vụ dự án Tuyến Quốc lộ 19 nên hộ bà Sử H được bồi thường hỗ trợ 214.846.318đ và cấp 01 lô đất tái định cư tại tổ 32, khu vực 4, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định, có diện tích 95m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH03744 ngày 23/7/2018 do UBND thành phố Q cấp cho hộ gia đình bà Sử Hoa Anh, tiền sử dụng đất phải nộp là 87.698.000đ, bà Sử H đã nộp xong. Hộ gia đình bà Sử H gồm có 04 nhân khẩu là: Bà Sử H, ông Hàng H, vợ ông là bà Võ Thị Mỹ L và con ông là Hàng Võ Minh Nh. Riêng số tiền bồi thường hỗ trợ 214.846.318đ mẹ ông đã nhận và đã phân chia xong vào ngày 19/7/2016 không tranh chấp. Còn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay ông Hàng Hư đang giữ.

Trước khi cụ Hàng Tiên Qu chết thì cụ Qu và cụ H có cho ông Hàng Xuân C 70m^2 đất tại tổ 32, khu vực 4, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định và 1,2 sào ruộng tại khu vực 5, phường N. Sau khi cụ Qu chết thì cụ H cho ông Hàng Hư 1,2

sào ruộng tại khu vực 5, phường N và 52.500.000đ tiền giải tỏa nhà tại tổ 32, khu vực 4, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Nay ông yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật phần di sản của cụ Sử H là ¼ quyền sử dụng đất tái định cư tại tổ 32, khu vực 4, phường N, thành phố Q, có diện tích 95m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH03744 ngày 23/7/2018 do UBND thành phố Q cấp cho hộ gia đình bà Sử H. Ông thống nhất biên bản định giá ngày 16/8/2022 và ông xin nhận đất để xây dựng nhà ở và thanh toán lại cho các đồng thừa kế khác. Vì hiện nay ông không có chỗ ở phải che tạm trên đất trống của người khác ở tạm.

Đối với yêu cầu của ông Hàng Hư, ông Hàng Xuân C và bà Hàng Xuân Tr về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông không đồng ý. Vì quyền sử dụng đất tại tổ 32, khu vực 4, phường Nh, thành phố Q là do UBND thành phố Q cấp cho hộ bà Sử H gồm có 04 nhân khẩu là: Cụ Sử H, ông Hàng H, bà Võ Thị Mỹ L và cháu Hàng Võ Minh Nh không phải cấp cho bà Sử H.

Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Hàng Hư trình bày: Ông thống nhất về quan hệ huyết thống, hàng thừa kế như ông Hàng H trình bày.

Về nguồn gốc nhà đất trước khi giải tỏa tại tổ 32, khu vực 4, phường N, thành phố Q như sau: Cuối năm 1985 đầu năm 1986 gia đình ông đi kinh tế tự do nên có xin HTX muối phường N tại tổ 32, khu vực 4, phường Nh, thành phố Q ở và cha mẹ có nhận sang nhượng lại lô đất nền muối tại bờ có tên là Bờ Phù Mỹ của ông Đặng Văn L, có diện tích 50m^2 (sang nhượng không có viết giấy) giá sang nhượng bao nhiêu thì lúc đó ông còn nhỏ không biết.

Sau khi mua đất của ông Đặng Văn L thì cha mẹ ông có lấn chiếm thêm nên có tổng diện tích đất khoảng trên 110m^2. Sau đó cha mẹ ông nâng nền, đổ đất và xây nhà tranh vách đất khoảng 30m^2 để ở . Đến năm 1997 cha mẹ ông xây lại nhà cấp 4 và ở ổn định cho đến năm 2016 thì bị giải tỏa.

Riêng phần giải tỏa đất của cha mẹ ông thì Nhà nước cấp cho hộ bà Sử H 95m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH03744 ngày 23/7/2018 do UBND thành phố Q. Đây là đất của cha mẹ mua nên Nhà nước cấp cho mẹ ông là bà Sử H, không có tên vợ chồng ông Hàng H và bà Võ Thị Mỹ L. Nhà Nước cấp nhưng có thu tiền sử dụng đất là 87.698.000đ, thời điểm đó mẹ ông không có tiền nên ông, ông C, bà Tr và mẹ ông cùng nộp tiền sử dụng đất chia làm 4 phần, riêng phần của mẹ thì ông nộp thay nhưng do trong gia đình nên không có viết giấy, giấy nộp tiền đứng tên mẹ Sử H.

Về phần tiền đền bù hỗ trợ 214.846.318đ mẹ và anh em trong gia đình đã thống nhất thỏa thuận phân chia vào ngày 19/7/2016 xong nên không tranh chấp.

Nay ông Hàng H yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật phần di sản của cụ Sử H là ¼ quyền sử dụng đất tái định cư tại tổ 32, khu vực 4, phường

Nh, thành phố Q, có diện tích 95m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH03744 ngày 23/7/2018 do UBND thành phố Q cấp cho hộ gia đình bà Sử H thì ông không đồng ý. Vì quyền sử dụng đất trên là di sản của cha mẹ ông chết để lại. Ông yêu cầu chia Quyền sử dụng đất trên làm 5 phần: 2 phần là của cha mẹ. Còn lại 03 phần cho ông Hàng Hư, ông Hàng H và bà Hàng Xuân Tr. Riêng 2 phần của cha mẹ thì ông Hàng Xuân C 1 phần để cúng giỗ cha và ông 1 phần để cúng giỗ mẹ và ông cũng thống nhất biên bản định giá ngày 16/8/2022. Ông, ông C và bà Tr xin nhận đất và thanh toán lại giá trị bằng tiền cho ông Hàng H.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì ông, ông C và bà Tr có đơn yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử đất. Tại phiên tòa sơ thẩm ông xin thay đổi yêu cầu phản tố là yêu cầu điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH03744 ngày 23/7/2018 do UBND thành phố Q cấp đứng tên hộ bà Sử H thành tên bà Sử H. Vì UBND thành phố Q cấp cho hộ bà Sử H là không đúng đối tượng.

Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Hàng Xuân C và bà Hàng Xuân Tr đồng trình bày: Ông C, bà Tr thống nhất về quan hệ huyết thống, hàng thừa kế, di sản thừa kế và yêu cầu mà ông Hư vừa trình bày, đồng thời thống nhất biên bản định giá ngày 16/8/2022.

Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Mỹ L và là người đại diện hợp pháp của cháu Hàng Võ Minh Nh trình bày: Thống nhất theo lời khai và yêu cầu của ông Hàng H.

Tại bản khai ngày 10/3/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố Q - Người đại diện theo ủy quyền ông Ngô Tôn Th trình bày:

UBND thành phố Q căn cứ:

+ Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND thành phố Q Về việc giao đất tái định cư cho hộ bà Sử H để xây dựng nhà ở và Trích đo địa chính thửa đất kèm theo.

+ Biên bản tạm giao đất tái định cư cho hộ gia đình bà Sử H do Ban giải phóng mặt bằng xây dựng Khu tái định cư Đê Đông- N, phục vụ dự án Tuyến Quốc lộ 19 đoạn từ Cảng Q đến giao Quốc lộ 1A.

+ Thông báo nộp tiền sử dụng đất và thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất do Chi cục thuế thành phố Q ban hành ngày 30/6/2018.

+ Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước nộp ngày 06/7/2018.

+ Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của bà Sử H lập ngày 05/6/2018 và bộ phận tiếp nhận ngày 10/7/2018.

Để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ở số CH03744 ngày 23/7/2018 cho hộ bà Sử H tại lô đất số

21 Khu ĐƠ 02 thuộc Khu tái định cư Đê Đông – N phục vụ dự án tuyến quốc lộ 19, phường Nh, thành phố Q với diện tích 95,0m^2 đất ở.

Trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ở số CH03744 ngày 23/7/2018 cho hộ bà Sử H là đúng theo quy định. Việc ông Hàng Hư đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ở số CH03744 ngày 23/7/2018 cấp cho hộ bà Sử H là không có cơ sở.

Tại bản khai ngày 20/5/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh Bình Định - Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Minh S trình bày:

Hộ bà Sử H thường trú tại tổ 32, khu vực 4, phường Nh, thành phố Q, gồm 04 nhân khẩu: Bà Sử H, ông Hàng H, bà Võ Thị Mỹ L, cháu Hàng Võ Minh Nh (Theo xác nhận của Công an phường Nh ngày 25/5/2016).

Theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất số 41, tờ bản đồ số 48 có tổng diện tích thửa đất là 206m^2, diện tích thu hồi 206m^2 (gồm hai hộ là hộ bà Sử H và hộ ông Hàng Xuân C). Hộ thuộc diện giải tỏa trắng.

Theo xác nhận nguồn gốc đất của UBND phường Nh tại Công văn số 76/UBND-ĐC ngày 19/5/2016 với nội dung như sau: "Đất được nhà nước cấp thuộc diện đi kinh tế mới vào năm 1987 (không có giấy tờ) xây dựng nhà ở và sử dụng từ đó đến nay, không tranh chấp, diện tích theo hồ sơ ĐKTK năm 1998 là 135,8m^2. Phần diện tích đất chênh lệch tăng 70,2m^2 so với HSĐC ĐKTK năm 1998 là do chiếm dụng thuộc 1 phần thửa đất số 33, tờ bản đồ 48, loại đất NTTS (đã được nhà nước cấp GCN) nâng nền và xây dựng vào trước ngày 01/7/2004. Thời điểm chiếm dụng nâng nền và xây dựng không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Đến năm 1995 bà H cho con là ông C diện tích 70m^2, ông C xây dựng nhà ở từ đó đến nay, không tranh chấp.

Từ những cơ sở trên. Hội đồng thống nhất trình và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2385/QĐ-UBND ngày 08/7/2016 của UBND tỉnh Bình Định về bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Sử H với tổng giá trị là 214.846.300đ và đủ điều kiện giao đất tái định cư theo quy định. Lô đất tái định cư được giao là lô số 21 Khu ĐƠ 02, diện tích 95m^2, đường (lộ giới 15m), tại khu tái định cư Đê Đông – N. Giá trị tiền sử dụng đất tái định cư hộ phải nộp là 87.698.000đ.

Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh đã tính toán bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Sử H là đúng theo chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Quyết định số 03/2009/QĐ-UBND ngày 15/01/2009 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình định. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 240/2022/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q đã quyết định:

1. Xác định quyền sử dụng đất tại lô số 21, khu ĐƠ 02, diện tích 95m^2, đường số A2 lộ giới 15m, tại Khu tái định cư Đê Đông – N, thành phố Q (Theo

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH03744 ngày 23/7/2018, đứng tên hộ bà Sử H là tài sản chung của hộ gia đình bà Sử Hoa Anh gồm có: Cụ Sử H, ông Hàng H, bà Võ Thị Mỹ L và cháu Hàng Võ Minh Nh (là con của ông H, bà L), có giá trị 2.850.000.000đ. Phần di sản của cụ Sử Hoa Anh có giá trị là 778.273.500đ.

2. Ông Hàng H được quyền sử dụng đất phần di sản của cụ Sử H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH03744 ngày 23/7/2018 do UBND thành phố Q cấp đứng tên hộ bà Sử H.

3. Buộc ông Hàng H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Hàng Xuân C, ông Hàng Hư và bà Hàng Xuân Tr mỗi người 194.568.000đ.

4. Sau khi ông Hàng H thanh toán xong số tiền trên cho ông C, ông Hư và bà Tr thì ông Hàng Hư có nghĩa vụ giao lại cho ông Hàng H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH03744 ngày 23/7/2018 do UBND thành phố Q cấp đứng tên hộ bà Sử H.

5. Không chấp nhận yêu cầu của ông Hàng Hư, ông Hàng Xuân C và bà Hàng Xuân Tr yêu cầu điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH03744 ngày 23/7/2018, đứng tên hộ bà Sử H sang tên bà Sử H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022, bị đơn ông Hàng Xuân C, ông Hàng Hư và bà Hàng Thị Xuân Tr có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp ngày 23/7/2018 cho hộ bà Sử H, chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông Hà Tiên Qu và bà Sử H để lại là quyền sử dụng đất tại thửa đất 21, tờ bản đồ 1459, diện tích 95m^2 tại khu tái định cư Đê Đông, phường N, thành phố Q.

Tại phiên Tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên một phần yêu cầu kháng cáo, sửa nội dung kháng cáo hủy giấy sang điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp ngày 23/7/2018 cho hộ bà Sử H thành cấp cho bà Sử H.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt của các bên đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân thành phố Q - Người đại diện theo ủy quyền ông Ngô Tôn Th và Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh Bình Định - Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Minh S có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn ông Hàng Xuân C, ông Hàng Hư và bà Hàng Thị Xuân Tr, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Nguồn gốc thửa đất số 41, tờ bản đồ 48, diện tích 135,8m^2, theo hiện trạng thực tế 206m^2 đất ở tọa lạc tại tổ 32, khu vực 4, phường N, thành phố Q; đứng tên chủ sử dụng đất là ông Hàng Tiên Qu (chồng bà Sử H) có nguồn gốc là được Nhà nước cấp thuộc diện đi kinh tế mới vào năm 1987 không có giấy tờ, xây dựng nhà ở và sử dụng từ đó đến nay đã được UBND phường N xác nhận theo Văn bản số 76/UBND-ĐC ngày 19/5/2016. Quá trình sử dụng đất cụ Hàng Tiên Qu và cụ Sử H đã tôn tạo, xây dựng nhà ở và cho ông Hàng Xuân C một phần diện tích là 70m^2 (diện tích đất của ông C cũng bị giải tỏa và được bồi thường, hỗ trợ và cấp đất tái định cư cho gia đình ông C). Diện tích còn lại của bà Sử H là 136m^2.

Thực hiện dự án Khu tái định cư Đê Đông – N phục vụ dự án Tuyến Quốc lộ 19 (Theo Quyết định số 285/QĐ-UBND ngày 08/7/2016 của UBND tỉnh Bình Định) thì hộ bà Sử H có 01 ngôi nhà bị thiệt hại do bị giải tỏa. Tại thời điểm ngôi nhà bà Sử H giải tỏa thì ông Hàng H cùng vợ là bà Võ Thị Mỹ L và con là Hàng Võ Minh Nh cùng ở chung nhà với cụ Sử H còn ông Hàng Tiên Qu chết năm 2001. Theo Quyết định số 4391/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 của UBND tỉnh Bình Định phê duyệt phương án giao đất tái định cư cho các hộ bị thu hồi đất do giải phóng mặt bằng khu tái định cư Đê Đông – Nh. Ngày 30/12/2016 UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 11140/QĐ-UBND về việc giao đất tái định cư cho hộ bà Sử H để xây dựng nhà ở lô đất số 21 Khu ĐƠ 02, diện tích 95m^2 và đã được UBND thành phố Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH03744 ngày 23/7/2018 cấp cho hộ bà Sử H. Tại thời điểm giao quyền sử dụng đất, cụ Hàng Tiên Quang chết, hộ bà Sử H gồm có 04 nhân khẩu: Cụ Sử H, ông Hàng H, bà Võ Thị Mỹ L và cháu Hàng Võ Minh Nh (là con của ông H, bà L). Như vậy, UBND thành phố Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất lô số 21 Khu ĐƠ 02, diện tích 95m^2 cho hộ bà Sử H là có cơ sở và phù hợp với quy định. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo yêu cầu điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp GCN: CH03744 ngày 23/7/2018 cấp cho hộ bà Sử H thành cấp cho bà Sử H của các bị đơn ông Hàng Xuân C, ông Hàng Hư và bà Hàng Thị Xuân Tr.

[2.2] Các bên trình bày thống nhất cụ Sử Hoa Anh chết không để lại di chúc. Theo quy định tại Điều 612 Bộ luật dân sự năm 2015 thì di sản cụ H để lại là ¼ quyền sử dụng thửa đất tái định cư lô số 21 Khu ĐƠ 02, diện tích 95m^2 tại khu tái định cư Đê Đông – N phục vụ dự án tuyến quốc lộ 19, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Cha mẹ và cụ Hàng Tiên Qu đều chết trước cụ Sử H. Theo quy định tại Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì những người thừa kế hàng thừa

kế thứ nhất của cụ H được phân chia di sản theo quy định pháp luật gồm có 04 người con: Ông Hàng H, ông Hàng Xuân C, ông Hàng Hư và bà Hàng Xuân Tr nên Tòa án cấp sơ thẩm xác chia di sản của cụ H để lại cho 04 người con của cụ H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.3] Tại phiên Tòa phúc thẩm, ông Hàng Hư, ông Hàng Xuân C và bà Hàng Xuân Tr xin nhận giá trị quyền sử dụng đất. Xét thấy, gia đình ông Hàng H thuộc diện được cấp đất tái định cư để xây dựng nhà ở và được cấp ¾ lô đất, còn cụ H được cấp ¼ lô đất. Hơn nữa gia đình ông Hàng H không có chỗ ở nào khác và có nhu cầu về chỗ ở. Trong khi đó ông Cường, ông Hư, bà Tr đều đã có chỗ ở khác ổn định nên Tòa án cấp sơ thẩm giao cho ông H được quyền sử dụng đất phần di sản của cụ H để lại là ¼ quyền sử dụng đất lô số 21, khu DƠ 02, đường số A2 lộ giới 15m, tại Khu tái định cư Đê Đông – N và ông H có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị mỗi kỷ phần thừa kế cho ông C, ông Hư, bà Tr như án sơ thẩm đã nhận định là có căn cứ.

[2.4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Hàng Xuân C, ông Hàng Hư và bà Hàng Xuân Tr, giữ nguyên phần nội dung Bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì ông Hàng Hư và bà Hàng Xuân Tr mỗi người phải chịu 300.000đ. Ông hàng Xuân C là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp nhận định của Tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 212, 612, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 5 Điều 26; khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn ông Hàng Xuân C, ông Hàng Hư và bà Hàng Xuân Tr.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 240/2022/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

3. Xác định quyền sử dụng đất tại lô số 21, khu ĐƠ 02, diện tích 95m^2, đường số A2 lộ giới 15m, tại Khu tái định cư Đê Đông – N, thành phố Q (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH03744 ngày 23/7/2018), đứng tên hộ bà Sử H là tài sản chung của hộ gia đình cụ Sử Hoa Anh gồm có: Cụ Sử H, ông Hàng H, bà Võ Thị Mỹ L và cháu Hàng Võ Minh Nh, có giá trị 2.850.000.000đ (Hai tỷ tám trăm năm chục triệu đồng). Phần di sản của cụ Sử H có giá trị là 778.273.500đ (Bảy trăm bảy mươi tám triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm đồng).

4. Ông Hàng H được quyền sử dụng đất phần di sản của cụ Sử H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH03744 ngày 23/7/2018 do UBND thành phố Q cấp đứng tên hộ bà Sử H.

5. Buộc ông Hàng H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Hàng Xuân C, ông Hàng Hư và bà Hàng Xuân Tr mỗi người 194.568.000đ (Một trăm chín mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

6. Sau khi ông Hàng H thanh toán xong số tiền trên cho ông C, ông Hư và bà Tr thì ông Hàng Hư có nghĩa vụ giao lại cho ông Hàng H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH03744 ngày 23/7/2018 do UBND thành phố Q cấp đứng tên hộ bà Sử H.

7. Không chấp nhận yêu cầu điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ cấp GCN: CH03744 ngày 23/7/2018, đứng tên hộ bà Sử H thành tên bà Sử H.

8. Về chi phí tố tụng và án phí:

8.1. Chi phí định giá tài sản: Ông Hàng H tự nguyện chịu 4.000.000đ, nhưng được trừ 4.000.000đ tạm ứng đã nộp, ông H đã nộp xong.

Ông Hàng Xuân C tự nguyện chịu 4.000.000đ chi phí định giá lại, nhưng được trừ 4.000.000đ tạm ứng đã nộp, ông C đã nộp xong.

8.2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí cho ông Hàng Xuân C. Ông Hàng H phải chịu 9.728.000đ (chín triệu, bảy trăm hai mươi tám nghìn đồng) nhưng được khấu trừ 1.250.000đ đã nộp theo biên lai số 0007916 ngày 27/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, ông H còn phải nộp 8.478.000đ (tám triệu, bốn trăm bảy mươi tám nghìn đồng). Ông Hàng Hư, bà Hàng Xuân Tr mỗi người phải chịu 9.728.000đ (chín triệu, bảy trăm hai mươi tám nghìn đồng) và phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố không được Tòa án chấp nhận. Tổng cộng ông Hư, bà Tr mỗi người phải chịu

10.028.000đ (Mười triệu không trăm hai mươi tám nghìn đồng) được khấu trừ mỗi người 300.000đ đã nộp theo biên lai số 0003232 và số 0003234 ngày 17/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q. Như vậy, ông Hư và bà Tr mỗi người còn phải nộp 9.728.000đ (chín triệu, bảy trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho ông Hàng Xuân C 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003233 ngày17/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông hàng Xuân C được miễn. Ông Hàng Hư và bà Hàng Xuân Tr mỗi người phải chịu 300.000đ ông Hư bà Tr mỗi người được trừ 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0004540 và 0004541 ngay 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

9. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

9.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

9.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký và đóng dấu)

Đỗ Thị Thắm

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thành phố Q;
- Chi cục THADS thành phố Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.